

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bản án số: **20/2024/LĐ-ST**

Ngày: 30/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý - Cán bộ hưu trí.

2. Ông Hoàng Minh Tuấn - Chuyên viên Liên đoàn Lao động thành phố Thủ Dầu Một.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 37/2024/TLST- LĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc “tranh chấp về Bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐST- LĐ ngày 09/9/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1995; địa chỉ thường trú: ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. SĐT: 0962.437.147.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hữu T1, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Hợp đồng ủy quyền ngày 07/6/2024), có đơn vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV C (viết tắt Công ty C); địa chỉ: Tầng E, Tòa nhà B, B Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. SĐT: 0274.3803766.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Thùy L, sinh năm 1993; địa chỉ: Tầng E, Tòa nhà B, B Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là

người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Giấy ủy quyền số 06 ngày 16/7/2024), có đơn vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội tỉnh B; địa chỉ: số A, đường L, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn vắng mặt.

NHẬN THẤY:

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T và đại diện nguyên đơn ông Lê Hữu T1 trình bày:*

Bà T làm việc tại Công ty C từ tháng 04/2020, đã giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 10001400-2023/HĐLĐ-VFP ngày 10/06/2023. Mức lương tham gia bảo hiểm xã hội là 11.550.000 đồng/tháng. Vị trí công việc: Sale Admin.

Trong thời gian làm việc tại công ty, hàng tháng công ty đóng bảo hiểm cho bà T đầy đủ. Tuy nhiên, từ tháng 12/2023 mỗi tháng đóng 1.212.750 đồng bảo hiểm xã hội nhưng công ty không đóng. Bà T yêu cầu công ty T2 và đóng bảo hiểm xã hội nhưng công ty không thực hiện.

Tháng 02/2024, bà T xin nghỉ việc tại công ty đúng quy định pháp luật. Công ty còn nợ tiền bảo hiểm xã hội của bà T 3 tháng, từ tháng 12/2023 - 02/2024 nên bà T không thực hiện được các thủ tục để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội. Nhận thấy, việc công ty thu tiền của người lao động mà không đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động là vi phạm quy định Luật Bảo hiểm xã hội 2014. Do đó, bà T khởi kiện Công ty C yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử:

- Buộc Công ty C phải đóng bảo hiểm xã hội cho bà T tại Bảo hiểm xã hội tỉnh B 3 tháng theo mã số 8323053827. Mức đóng và số tiền phải đóng thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

- Buộc Công ty C xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội và trả tờ rời bảo hiểm xã hội cho bà T theo quy định pháp luật bảo hiểm xã hội.

Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, đại diện nguyên đơn ông Lê Hữu T1 thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội và trả tờ rời cho bà T.

Nguyên đơn giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: *Hợp đồng lao động ngày 10/6/2023 giữa Công ty C và bà T (bản chứng thực); Sổ Bảo hiểm xã hội (bản photo chứng thực); Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ngày 10001400-2024/QĐTV-VFP ngày 01/3/2024 của Công ty C (bản chứng thực); Thông tin dữ liệu về việc tham gia BHXH của bà T trên app Bảo hiểm xã hội V (bản photo).*

- *Tại Bản tự khai trình bày ý kiến ngày 16/7/2024, đại diện bị đơn bà Trần Thị Thùy L trình bày:*

Công ty C có mã số thuế 3702813604, địa chỉ tại Tầng E, Tòa nhà B, B Đại lộ B, phường P, TP ., tỉnh Bình Dương, hoạt động với ngành nghề chính là giết mổ gia cầm. Bà Nguyễn Thị Bích T làm việc tại Công ty C từ ngày 09/6/2020 đến ngày 29/02/2024 thông qua các Hợp đồng lao động ký ngày 09/6/2020, ngày 10/6/2021 và ngày 10/6/2023 với chức danh là Sale A.

Sau khi nhận được đơn xin nghỉ việc của bà Nguyễn Thị Bích T, Công ty C đã ban hành Quyết định số 10001400-2024/QĐTV-VFP ngày 01/03/2024 về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị Bích T. ("BHYT") và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD&BNN"), theo bảng chi tiết kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD&BNN ngày 01/04/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B, xác nhận Công ty C đã đóng bảo hiểm xã hội đến tháng 11/2023. Bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp đã đóng đến tháng 02/2024. Như vậy, Công ty C chưa đóng tiền BHXH cho bà Nguyễn Thị Bích T từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 với số tiền là 8.662.500 đồng.

Lý do Công ty C chậm đóng tiền BHXH cho người lao động đối với thời gian nêu trên là do Công ty C gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh dẫn đến thua lỗ kéo dài. Sau khoảng thời gian dài tìm cách khắc phục để hồi phục sản xuất như giảm quy mô, công suất giết mổ, cắt giảm nhân sự.... nhưng tình hình vẫn không khả quan. Cho đến cuối tháng 05/2024, Công ty C đã chính thức đóng cửa nhà máy G tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ngừng toàn bộ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và đang chờ thực hiện thủ tục giải thể hoặc phá sản doanh nghiệp. Công ty C đang cố gắng sắp xếp thanh toán các nghĩa vụ tài chính cho người lao động, các cơ quan Nhà nước và nhà cung cấp. Tuy nhiên, vì ngưng hoạt động kinh doanh nên Công ty C hiện tại không có doanh thu, dòng tiền để thanh toán các khoản nợ.

Theo quy định của C1, Công ty C không được đóng tiền BHXH cho cơ quan bảo hiểm xã hội đối với từng cá nhân nghỉ việc mà phải đóng tiền BHXH đối với toàn bộ người lao động làm việc tại công ty. Tính đến tháng 6/2024, tổng số tiền Công ty C chưa đóng cho cơ quan Bảo hiểm xã hội là 896.139.242 đồng (tám trăm chín mươi sáu triệu, một trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm bốn mươi hai đồng). Số tiền này quá lớn so với tình hình tài chính hiện tại của công ty nên Công ty C không thể ngay lập tức hoàn thành nghĩa vụ đóng tiền BHXH cho cơ quan bảo hiểm đối với người lao động.

Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, Công ty C có ý kiến như sau: Công ty C đã đóng BHTN, BHYT, BHTNLD&BNN đến tháng 02/2024 nên Công ty C xác nhận chỉ còn chưa đóng BHXH cho bà T từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 với số tiền là 8.662.500 đồng. Tuy nhiên vì những khó khăn đã nêu như trên, Công ty C chưa thể đóng tiền BHXH ngay cho bà T. Công ty C sẽ cố gắng sắp xếp để hoàn thành nghĩa vụ sớm cho bà T trong thời gian tới. Sau khi thanh toán hoàn tất tiền

BHXX, Công ty C sẽ tiến hành thủ tục xác nhận thời gian đóng BHXX, BHTN và bàn giao tờ rời cho bà T theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: *Giấy ủy quyền ngày 16/7/2024 của Công ty C cho bà L (bản chính); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty C (bản photo); Chi tiết kết quả đóng bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN, BHTNLD, BNN tháng 03/2024 ngày 01/4/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh đối với công ty C (bản scan); Chi tiết kết quả đóng bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN, BHTNLD, BNN tháng 06/2024 ngày 01/7/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh đối với Công ty C (bản scan); Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bà L (bản chính).*

- Tại Công văn số 1847/BHXX-TTKT ngày 28/8/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B trình bày:

Sau khi rà soát dữ liệu quản lý, BHXX tỉnh B trả lời như sau:

- Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày: 15/02/1995, số CCCD 083195009596, mã số BHXX: 8323053827 tham gia BHXX, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp tại Công ty C theo Hợp đồng lao động số 10001400-2020/HDLD-VFP, hồ sơ điện tử số: 100355/2020/074 nộp cho cơ quan BHXX ngày 26/06/2020, quá trình tham gia như sau:

+ Từ tháng 06/2020 – 02/2021, chức danh Kế toán viên, mức đóng 8.869.000 đồng, lương chính 8.869.000 đồng, phụ cấp lương không có.

+ Từ tháng 03/2021 – 02/2022, chức danh Sale A, mức đóng 11.000.000 đồng, lương chính 11.000.000 đồng, phụ cấp lương không có.

+ Từ tháng 03/2022 – 02/2024, chức danh Sale A, mức đóng 11.550.000 đồng, lương chính 11.550.000 đồng, phụ cấp lương không có.

Công ty đã báo giảm hãn cho bà Nguyễn Thị Bích T theo Quyết định nghỉ việc số 10001400/VIETSWAN/2024, hồ sơ điện tử số: 23027/2024/074 nộp ngày 29/02/2024 báo giảm từ tháng 03/2024, cơ quan BHXX chưa xác nhận sổ BHXX cho bà Nguyễn Thị Bích T do đơn vị chưa thanh toán tiền BHXX đến tháng 02/2024. Số tiền nợ tính riêng cho bà Nguyễn Thị Bích T là 11.595.132 đồng (bao gồm cả tiền lãi chậm đóng) số tháng nợ là 3 tháng.

Bảo hiểm xã hội tỉnh B đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc, các buổi xét xử của tòa án (sơ thẩm và phúc thẩm nếu có), đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu Tòa án áp dụng quy định thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không nhận định về thời hiệu khởi kiện, xác định tranh chấp này thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện bị đơn trình bày thống nhất nhau về hợp đồng lao động được ký kết giữa bà T và Công ty C, về thời gian bà T làm việc, nghỉ việc tại Công ty C, về mức lương đóng bảo hiểm xã hội. Sự thừa nhận, thống nhất trên là tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại Văn bản số 1847/BHXXH-TTKT ngày 28/8/2024, Bảo hiểm xã hội tỉnh B thông tin cho Tòa án như sau: “Công ty C đã báo giảm hăng cho bà T từ tháng 03/2024 theo Quyết định nghỉ việc số 10001400/VIETSWAN/2024, ngày 01/3/2024 của Công ty C, hồ sơ điện tử số: 23027/2024/074 nộp ngày 29/02/2024. Cơ quan BHXH chưa xác nhận sổ BHXH cho bà T do đơn vị chưa thanh toán tiền BHXH đến tháng 02/2024. Số tiền nợ tính riêng cho bà T là 11.595.132 đồng (bao gồm cả tiền lãi chậm đóng) số tháng nợ là 3 tháng”.

Tại Bảng tạm tính số tiền phải đóng xác nhận chốt sổ BHXH của đơn vị nợ tính đến tháng 8/2024, Bảo hiểm xã hội tỉnh B liệt kê số tiền Công ty C phải đóng của bà T từ tháng 12/2023 - 02/2024 như sau: Tiền BHXH: 8.662.500 đồng, tiền BHYT: 1.559.250 đồng, tiền BHTN: 693.000 đồng, tiền BHTNLD&BNN: 173.250 đồng. Tổng cộng: 11.088.000 đồng.

Tiền lãi Công ty C phải đóng từ tháng 12/2023 - 8/2024 như sau: Tiền lãi BHXH: 377.340 đồng, tiền lãi BHYT: 92.058 đồng, tiền lãi BHTN: 30.186 đồng, tiền lãi BHTNLD&BNN: 7.548 đồng. Tổng cộng: 507.132 đồng.

Theo quy định tại Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội, trách nhiệm của người sử dụng lao động phải đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty C thừa nhận do tình hình kinh tế khó khăn nên công ty chưa đóng bảo hiểm xã hội của bà T từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024. Do đó, có căn cứ buộc Công ty C đóng số tiền BHXH và tiền lãi nêu trên của bà T cho Bảo hiểm xã hội tỉnh B.

Kể từ tháng 9/2024 trở đi, Công ty C tiếp tục đóng tiền lãi trên số tiền chưa đóng BHXH nêu trên theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Công ty C có trách nhiệm phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà T theo quy định tại khoản 5 Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội.

Trường hợp Công ty C chậm hoặc không đóng đủ BHXH của bà T, bà T có quyền yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh B xác nhận sổ BHXH đến thời điểm Công ty C đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho bà T theo quy định tại điểm 1, 2 khoản 1 Điều 46.96 Văn bản hợp nhất số 2089/VBHN-BHXH ngày 26/6/2020 của B.

[3] Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty C phải chịu án phí đối với số tiền BHXH phải thanh toán cho cơ quan BHXH.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 70, 71, 91, 92, 95, 147 244, 266, 273, 280 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 6, 48, 168 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ các điều 18, 21, 23, 86 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014

- Căn cứ điểm 1, 2 khoản 1 Điều 46.96 Văn bản hợp nhất số 2089/VBHN-BHXH ngày 26/6/2020 của B;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T đối với bị đơn Công ty C về việc tranh chấp về bảo hiểm xã hội.

Buộc Công ty C đóng bảo hiểm xã hội của bà T từ tháng 12/2023 - tháng 02/2024 như sau: Tiền bảo hiểm xã hội: 8.662.500đ (tám triệu, sáu trăm sáu mươi hai ngàn, năm trăm đồng), tiền bảo hiểm y tế: 1.559.250 đồng (một triệu, năm trăm năm mươi chín ngàn, hai trăm năm mươi đồng), tiền bảo hiểm thất nghiệp: 693.000đ (sáu trăm chín mươi ba ngàn đồng), tiền bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp: 173.250đ (một trăm bảy mươi ba ngàn, hai trăm năm mươi đồng) và số tiền lãi tính từ tháng 12/2023 - 8/2024 trên số tiền phải đóng BHXH nêu trên là 507.132đ (năm trăm

lẻ bảy ngàn, một trăm ba mươi hai đồng). Tổng cộng: 11.595.132đ (mười một triệu, năm trăm chín mươi lăm ngàn, một trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ tháng 9/2024 trở đi, Công ty C tiếp tục đóng tiền lãi trên số tiền chưa đóng BHXH nêu trên theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Trường hợp Công ty C chậm hoặc không đóng đủ BHXH của bà T, bà T có quyền yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh B xác nhận số BHXH đến thời điểm Công ty C đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho bà T để giải quyết chế độ bảo hiểm cho bà T theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bà T thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí.

Công ty C chịu số tiền 348.000đ (ba trăm bốn mươi tám ngàn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án này theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình